

Số: 84/KH-UBND

Thái Bình, ngày 13 tháng 6 năm 2023

KẾ HOẠCH

Triển khai đo lường Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành, huyện, thành phố (DDCI) tỉnh Thái Bình trên nền tảng công nghệ năm 2023

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023, Thông báo số 137-TB/TU ngày 06/5/2021 của Tỉnh ủy về kết luận của Thường trực Tỉnh ủy về việc triển khai Bộ Chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành, huyện, thành phố (DDCI). Để tiếp tục tạo chuyển biến tích cực về môi trường đầu tư kinh doanh, cải thiện vị trí xếp hạng Chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) của tỉnh; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai đo lường Bộ Chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành, huyện, thành phố (DDCI) tỉnh Thái Bình năm trên nền tảng công nghệ năm 2023 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023; cải thiện thứ hạng vị trí Chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) của tỉnh trong các năm tiếp theo.

- Đánh giá mức độ hài lòng của nhà đầu tư, doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã (sau đây gọi chung là doanh nghiệp) đang đầu tư, hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

- Tạo sự cạnh tranh, thi đua về chất lượng điều hành kinh tế giữa các huyện, thành phố và các sở, ban, ngành, từ đó tạo động lực cải cách quyết liệt, đồng bộ trong việc nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp, tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh trên các lĩnh vực.

- Tạo kênh thông tin tin cậy, rộng rãi và minh bạch để doanh nghiệp tham gia đóng góp ý kiến xây dựng chính quyền địa phương và các sở, ban, ngành. Trên cơ sở đó đánh giá công tác điều hành của chính quyền địa phương và các sở, ban, ngành trong năm, đề xuất các giải pháp để nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) những năm tiếp theo, đồng thời đề xuất giải pháp nhằm chấn chỉnh, khắc phục những hạn chế, tồn tại của những lĩnh vực được khảo sát.



- Kết quả khảo sát, điều tra là một trong những căn cứ để xem xét, so sánh chất lượng điều hành kinh tế của các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, các huyện, thành phố trong việc cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh (PCI) của tỉnh.

2. Yêu cầu

- Việc khảo sát, điều tra thực hiện Bộ Chỉ số DDCI năm 2023 phải đảm bảo các nội dung theo Đề án triển khai Bộ Chỉ số DDCI đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 634/QĐ-UBND ngày 27/2/2020 (*một số sở, ngành, đơn vị có số lượng dịch vụ hành chính công phát sinh ít, số phiếu thu về không cần đạt tối thiểu 30 phiếu nhưng phải đảm bảo tỷ lệ thu về lớn hơn 25% số phiếu phát ra*).

- Phương pháp xây dựng Bộ Chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành, huyện, thành phố (*sau đây gọi tắt là Bộ Chỉ số DDCI*) được lựa chọn tương thích các chỉ số thành phần của PCI, trên cơ sở áp dụng linh hoạt, phù hợp với thực tiễn môi trường đầu tư, kinh doanh của tỉnh (*bổ sung cập nhật theo Bộ Chỉ số PCI năm 2022 và thích ứng với xu hướng chuyển đổi số*).

- Việc khảo sát, điều tra lấy ý kiến phải được thực hiện với nội dung, tiêu chí, đối tượng cụ thể, thiết thực về những vấn đề đang được doanh nghiệp quan tâm khi liên hệ giải quyết thủ tục hành chính; phản ánh khách quan tình hình hoạt động cũng như những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp.

- Việc chọn mẫu khảo sát phải khoa học, thể hiện tính đại diện, phổ quát và độ tin cậy; công khai, minh bạch và được giám sát chặt chẽ trong quá trình tổ chức thực hiện; việc phân tích, đánh giá dựa trên các dữ liệu thu thập được từ quá trình khảo sát và phải được thực hiện trên phần mềm có lưu vết.

- Tổ chức khảo sát, đánh giá Bộ Chỉ số DDCI năm 2023 được thực hiện trên nền tảng công nghệ số bằng phương pháp trực tuyến (online) sử dụng phần mềm tích hợp trên Cổng thông tin điện tử tại địa chỉ "www.ddcithaibinh.vn"

- Phiếu trả lời khảo sát, đánh giá Bộ Chỉ số DDCI phải được mã hóa, lưu trữ, bảo mật thông tin để đảm bảo quyền lợi, danh dự của doanh nghiệp, tham gia khảo sát, đánh giá.

- Kết quả khảo sát, điều tra lấy ý kiến phải được tổng hợp, phân tích, đánh giá một cách đầy đủ, khách quan, minh bạch; là căn cứ để các sở, ngành, địa phương và các tổ chức liên quan trên địa bàn tỉnh tiếp thu ý kiến góp ý của doanh nghiệp, từ đó đề ra các giải pháp thiết thực, hiệu quả; tiếp tục phát huy những mặt đã làm được và nghiêm túc khắc phục những tồn tại, hạn chế nhằm nâng cao chất lượng điều hành của chính quyền các cấp từ tỉnh đến cơ sở.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Phạm vi, quy mô, đối tượng khảo sát

a) Phạm vi, quy mô khảo sát:

- Các doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật; đang hoạt động, sản xuất kinh doanh, triển khai đầu tư dự án trên địa bàn tỉnh Thái Bình và có tương tác hoặc sử dụng dịch vụ hành chính công của các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh.

- Số lượng doanh nghiệp dự kiến khảo sát khoảng 3.000 doanh nghiệp có phát sinh và sử dụng dịch vụ hành chính công với các cơ quan, đơn vị liên quan trên địa bàn tỉnh (*trong khoảng thời gian từ 01/7/2022 đến 30/6/2023*).

- Thông tin doanh nghiệp được cung cấp từ (1) Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; (2) Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện; (3) các cơ quan ngành dọc quản lý Nhà nước trên địa bàn tỉnh đối với doanh nghiệp thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý.

b) Đối tượng được khảo sát, đánh giá: Đối tượng được khảo sát, đánh giá gồm 33 cơ quan, đơn vị được chia thành 02 nhóm:

(xem Phụ lục 1 đính kèm)

2. Nguyên tắc xây dựng, triển khai

a) Nguyên tắc xây dựng:

- Bộ Chỉ số DDCI được xây dựng dựa trên các nội dung liên quan trực tiếp tới năng lực điều hành và phản ánh được các chức năng, nhiệm vụ thực tế mà các sở, ban, ngành và địa phương đang chịu trách nhiệm thực hiện.

- Bộ Chỉ số DDCI phải phản ánh được mức độ hài lòng của các đối tượng điều tra về kết quả xử lý, giải quyết các thủ tục hành chính; năng lực và thái độ phục vụ của các sở, ban, ngành, địa phương; của cán bộ, công chức, viên chức trực tiếp giải quyết các thủ tục hành chính.

b) Nguyên tắc triển khai:

- Đảm bảo lượng hóa các chỉ số, chỉ tiêu; đảm bảo tính đa chiều trong đánh giá; đảm bảo tính thường xuyên, liên tục của việc khảo sát, đánh giá.

- Đảm bảo tính trung thực, công khai, khách quan, công bằng; phản ánh kịp thời, đúng, đủ tình hình thực tế kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính của các sở, ban, ngành và địa phương.

- Kết quả khảo sát DDCI được công bố công khai và làm cơ sở để đánh giá công tác thi đua, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm của các sở, ban, ngành và địa phương.

III. NỘI DUNG BỘ CHỈ SỐ DDCI NĂM 2023

1. Xây dựng Bộ chỉ số DDCI

- Các chỉ số thành phần và các chỉ tiêu cơ sở có tính đại diện là mẫu số chung để so sánh về năng lực quản lý, điều hành kinh tế giữa các sở, ban, ngành và giữa các huyện/thành phố. Đây là nguyên tắc nhằm đảm bảo tính hợp lý và

khả năng so sánh, xếp hạng công bằng giữa các sở, ban, ngành và huyện/thành phố. Mỗi chỉ số thành phần được cụ thể hóa bằng các chỉ tiêu cơ sở khác nhau. Các chỉ tiêu cơ sở này phản ánh chi tiết những nội dung của chỉ số thành phần, và cung cấp các thông tin cơ bản về các mặt của công tác quản lý, điều hành kinh tế bởi các sở, ban, ngành và chính quyền huyện/thành phố.

- Các chỉ số thành phần và chỉ tiêu cơ sở cũng cho phép xác định được những điểm mạnh, điểm yếu trong công tác điều hành và từ đó chỉ ra đầu mối chịu trách nhiệm đối với các hành động nhằm phát huy thế mạnh và khắc phục những tồn tại, hạn chế đối với từng lĩnh vực cụ thể trong công tác quản lý, điều hành kinh tế ở cả cấp sở, ban, ngành và cấp huyện/thành phố. Từ đó, có thể dễ dàng xác định trách nhiệm của người đứng đầu và trách nhiệm giải trình của từng đơn vị quản lý trong từng nội dung cụ thể của hoạt động điều hành và quản trị kinh tế.

Bộ chỉ số DDCI tỉnh Thái Bình năm 2023 bao gồm các chỉ số thành phần và chỉ tiêu cơ sở như sau:

Chỉ số thành phần và chỉ tiêu đánh giá áp dụng đối với cấp huyện/thành phố		Chỉ số thành phần và chỉ tiêu đánh giá áp dụng đối với cấp sở, ban, ngành	
Chỉ số thành phần	Số lượng chỉ tiêu	Chỉ số thành phần	Số lượng chỉ tiêu
(1) Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	11	(1) Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	8
(2) Tiếp cận đất đai và mặt bằng kinh doanh	5	(2) Chi phí không chính thức	5
(3) Chi phí không chính thức	5	(3) Chi phí thời gian	9
(4) Chi phí thời gian	9	(4) Cạnh tranh bình đẳng	6
(5) Cạnh tranh bình đẳng	8	(5) Hỗ trợ doanh nghiệp	6
(6) Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp	8	(6) Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	6
(7) Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	9	(7) Tính năng động, sáng tạo của sở, ngành	5
(8) Tính năng động, sáng tạo của chính quyền	5	(8) Vai trò của người đứng đầu	8
(9) Vai trò người đứng đầu	8	(9) Chuyển đổi số (thống kê)	9
(10) Chuyển đổi số (thống kê)	9		
Tổng	77	Tổng	62

(Chi tiết các chỉ tiêu cơ sở của chỉ số thành phần theo Phụ lục 2 đính kèm)

- Ý nghĩa các chỉ số thành phần DDCI:

(1) *Tính minh bạch và tiếp cận thông tin*: Đề cập tới khả năng doanh nghiệp có thể tìm hiểu, tiếp cận đến những quy hoạch, kế hoạch, định hướng phát triển và văn bản pháp lý mang tính chất công khai của sở, ban, ngành và huyện/thành phố cần thiết cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình. Sự sẵn có của các loại tài liệu, mức độ tiện dụng của việc tìm kiếm và sự dễ dàng trong tiếp cận thông tin là những yêu cầu cần thiết để đảm bảo cho tính minh bạch. Tính minh bạch khi được đảm bảo sẽ góp phần giảm các chi phí trong việc tìm hiểu về pháp luật, chính sách, quy định, cũng như giảm các sai sót cho doanh nghiệp khi thực hiện các thủ tục hành chính. Bên cạnh đó, khi các thông tin được công khai rõ ràng sẽ giúp doanh nghiệp có được sự nhìn nhận đầy đủ hơn về môi trường đầu tư, kinh doanh, giảm bớt tính bất định trong việc thực thi chính sách ở các sở, ban, ngành và huyện/thành phố.

(2) *Khả năng tiếp cận đất đai và mặt bằng kinh doanh*: Chỉ số này đánh giá hai góc độ: Ghi nhận những khó khăn khi tìm kiếm mặt bằng sản xuất kinh doanh phù hợp, những khó khăn này không những làm doanh nghiệp mất đi cơ hội đầu tư mà còn hạn chế khả năng tiếp cận nguồn vốn tín dụng do không có tài sản thế chấp tại ngân hàng; đánh giá các chính sách liên quan đến đất đai có tạo ra “sự ổn định trong sử dụng đất”, liệu doanh nghiệp có cảm thấy an tâm đối với các quyền sử dụng đất dài hạn của mình không; khi doanh nghiệp yên tâm về tính ổn định của mặt bằng sản xuất, họ sẽ tự tin đầu tư lâu dài trên mặt bằng đó. Theo đó, chỉ số này đánh giá rủi ro bị thu hồi mặt bằng và mức giá đền bù thỏa đáng trong trường hợp bị thu hồi.

(3) *Chi phí không chính thức*: Chi phí không chính thức là những khoản chi ngoài quy định mà doanh nghiệp phải trả cho các cán bộ Nhà nước để có thể thực hiện các công việc của họ một cách dễ dàng hơn. Do vậy, chỉ số chi phí không chính thức là công cụ để đo lường các khoản chi phí không chính thức mà các tổ chức kinh doanh phải trả và các trở ngại do những chi phí không chính thức này gây ra đối với hoạt động kinh doanh của họ.

(4) *Chi phí thời gian*: Đo lường thời gian doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện các thủ tục hành chính cũng như mức độ thường xuyên và thời gian doanh nghiệp phải tạm dừng kinh doanh để các cơ quan Nhà nước thực hiện việc thanh tra, kiểm tra. Đây được xem là một chỉ số quan trọng để đánh giá công tác cải cách thủ tục hành chính, nếu đối tượng đánh giá chỉ số này tốt chứng tỏ nỗ lực cải cách của tỉnh đi vào thực chất.

(5) *Cạnh tranh bình đẳng*: Chỉ số thành phần này đánh giá liệu các doanh nghiệp “sân sau” hoặc “thân hữu” có hiện diện phổ biến tại các cơ quan Nhà nước hay không; các hình thức đặc quyền, ưu đãi cụ thể khi tiếp cận các nguồn lực cho phát triển như đất đai, tín dụng... và được ưu tiên đối xử trong thực hiện các thủ

tục hành chính và chính sách cho các doanh nghiệp thân hữu là gì; Các ưu đãi này tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trên địa bàn ra sao.

(6) *Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp*: Hỗ trợ doanh nghiệp là một trong số các chỉ số thành phần được đưa vào bộ công cụ đánh giá chỉ số DDCI. Các hoạt động hỗ trợ cho các đối tượng có thể dưới nhiều hình thức khác nhau: Hỗ trợ thực hiện thủ tục liên quan đến đầu tư, kinh doanh; thực thi các chính sách, chương trình hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp của tỉnh và Trung ương, các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp... Bên cạnh những hình thức hỗ trợ trực tiếp, các hoạt động đối thoại và giải đáp vướng mắc cho doanh nghiệp cũng góp phần giúp doanh nghiệp nhanh chóng giải quyết được các khó khăn liên quan đến thủ tục hành chính trong quá trình sản xuất kinh doanh.

(7) *Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự*: Trong bộ công cụ đánh giá chỉ số PCI do VCCI tiến hành, chỉ số này đo lường lòng tin của doanh nghiệp đối với hệ thống tòa án, tư pháp của tỉnh; liệu các thiết chế pháp lý này có được doanh nghiệp xem là công cụ hiệu quả để giải quyết tranh chấp hoặc là nơi doanh nghiệp có thể khiếu nại các hành vi nhũng nhiễu của cán bộ công quyền tại địa phương. Trong bộ chỉ số DDCI Thái Bình, đối tượng được đánh giá là các sở, ban, ngành và các huyện/thành phố; do đó, trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của các sở, ban, ngành và địa phương, chỉ số “*Thiết chế pháp lý*” được thiết kế lại và đánh giá thông qua: cơ chế phản ánh, kiến nghị, khiếu nại; kênh để phản ánh, kiến nghị, khiếu nại và đánh giá hiệu quả của công tác giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại. Riêng tại các huyện/thành phố đánh giá thêm về công tác đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn.

(8) *Tính năng động và sáng tạo của chính quyền*: Đánh giá việc các sở, ban, ngành, huyện/thành phố chủ động, sáng tạo trong quá trình thực thi chủ trương, chính sách của tỉnh; trong việc đưa ra những sáng kiến riêng nhằm tạo điều kiện phát triển cộng đồng doanh nghiệp trong tỉnh, đồng thời đánh giá khả năng hỗ trợ và áp dụng linh hoạt những chính sách để tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của doanh nghiệp cũng như tính hiệu lực, hiệu quả trong việc thực thi các chính sách của sở, ban, ngành, huyện/thành phố với các chủ trương, chính sách của tỉnh.

(9) *Vai trò của người đứng đầu*: Với quan điểm vai trò người đứng đầu có ảnh hưởng quyết định đến công tác cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, hỗ trợ doanh nghiệp nên hiện nay chỉ số thành phần “*vai trò người đứng đầu*” đã được nhiều địa phương đưa vào đánh giá. Đây là chỉ số mới hoàn toàn của DDCI so với PCI. Chỉ số thành phần này đánh giá vai trò, tính sáng tạo, quyết đoán của người đứng đầu (sở, ban, ngành và chính quyền huyện/thành phố) trong việc cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh. Chỉ số này cũng đo lường mức độ ủng hộ của cộng đồng doanh nghiệp tỉnh đối với lãnh đạo của các sở, ban, ngành và huyện/thành phố.

(10) *Chuyển đổi số*: Là một trong những giải pháp quan trọng để giúp cho hoạt động điều hành kinh tế của các sở, ban, ngành và huyện/thành phố trở nên minh bạch, giảm các thủ tục hành chính, giảm chi phí thời gian và chi phí không chính thức cho doanh nghiệp. Đồng thời, việc ứng dụng công nghệ thông tin cũng sẽ góp phần giúp các cơ quan chính quyền điều hành hiệu quả hơn, qua đó hỗ trợ doanh nghiệp tốt hơn. Chỉ số này bao gồm việc đánh giá nội dung và chất lượng của cổng thông tin điện tử và việc ứng dụng công nghệ thông tin tại Bộ phận Một cửa thông qua việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tuyến.

2. Xây dựng công cụ khảo sát DDCI

- Công cụ khảo sát bao gồm: Phần mềm điều tra, khảo sát tích hợp các giải pháp tuyên truyền Bộ phiếu khảo sát, đánh giá Bộ Chỉ số DDCI trên nền tảng công nghệ (*sau đây gọi là phần mềm điều tra DDCI*), phiếu đánh giá điện tử của doanh nghiệp trên nền tảng công nghệ (*sau đây gọi là phiếu điện tử*).

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của các sở, ban, ngành có sự khác biệt rất lớn so với chính quyền huyện/thành phố, bên cạnh đó đối tượng phục vụ cũng như đối tượng có quan hệ tương tác thường xuyên giữa các sở, ban, ngành và chính quyền huyện/thành phố cũng rất khác nhau. Để đảm bảo đánh giá chính xác, công bằng, Phiếu khảo sát được xây dựng riêng cho 02 đối tượng được khảo sát, đánh giá gồm:

+ Phiếu A - Khảo sát ý kiến doanh nghiệp về chính quyền huyện/thành phố.

+ Phiếu B - Khảo sát ý kiến doanh nghiệp về sở, ban, ngành.

- Nội dung Phiếu khảo sát gồm 2 phần:

+ Phần 1 - Thông tin chung về đối tượng khảo sát: Các câu hỏi trong phần này dùng để thu thập các thông tin chung về đối tượng khảo sát.

+ Phần 2 - Nội dung khảo sát: Phần này sẽ là những câu hỏi theo nội dung các tiêu chí của chỉ số thành phần và đáp án trả lời của đối tượng khảo sát.

3. Khảo sát Bộ Chỉ số DDCI

a) Điều kiện chọn Mẫu (chọn đối tượng khảo sát):

- Các đối tượng khảo sát có phát sinh và thực hiện thủ tục hành chính với các sở, ban, ngành, huyện/thành phố có liên quan từ ngày 1/7/2022 đến ngày 30/6/2023. Do đó việc chọn mẫu sẽ được lấy theo danh sách tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Cục Thuế tỉnh và Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân các huyện/thành phố.

- Trước khi thực hiện khảo sát phải gọi điện xác minh lại các thông tin cơ bản về đối tượng khảo sát (địa chỉ trụ sở chính; số điện thoại của người đại diện doanh nghiệp...) để việc khảo sát được đúng đối tượng, địa chỉ; toàn bộ dữ liệu đối tượng khảo sát được cập nhật lên hệ thống phần mềm.

- Mẫu khảo sát (đối tượng khảo sát) được chọn ngẫu nhiên từ các hồ sơ giao dịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Cục Thuế tỉnh và Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân các huyện/thành phố thông qua hệ thống phần mềm (random).

b) Phương pháp chọn mẫu

- Phương pháp chọn mẫu là một quá trình nhằm đảm bảo rằng một nhóm nhỏ trả lời song vẫn có thể mang tính đại diện, phổ quát cho tổng thể. Điều tra DDCI sử dụng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên thông qua hệ thống phần mềm tự động.

- Trong điều tra DDCI, sử dụng phương pháp chọn mẫu dựa trên các tiêu chí về loại hình doanh nghiệp, lĩnh vực ngành nghề kinh doanh chính, địa bàn hoạt động tại huyện/thành phố. Đồng thời sử dụng danh sách doanh nghiệp có thực hiện thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân các huyện/thành phố để đảm bảo tất cả các đối tượng khảo sát thực sự đang hoạt động. Sau khi hoàn thành việc chọn mẫu, sẽ tiến hành so sánh các mẫu điều tra với tỷ lệ tổng thể của từng địa bàn để đảm bảo mẫu điều tra là đại diện, phổ quát cho tổng thể.

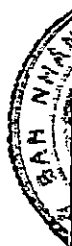
- Căn cứ danh sách mẫu đã được xác định như trên, mẫu điều tra DDCI được lựa chọn xác suất theo phương pháp phân tầng ngẫu nhiên trên nguyên tắc đảm bảo bao quát các lĩnh vực, chức năng quản lý nhà nước, điều hành kinh tế và dịch vụ công của các sở, ban, ngành và các huyện/thành phố. Do đó số lượng phiếu dự kiến gửi đi khoảng 3.000 phiếu khảo sát.

c) Phương pháp khảo sát

- Khảo sát, đánh giá Bộ Chỉ số DDCI năm 2023 được thực hiện trên nền tảng công nghệ số bằng phương pháp trực tuyến (online) sử dụng phần mềm điều tra DDCI tích hợp trên Cổng thông tin điện tử tại địa chỉ "www.ddcithaibinh.vn".

- Phiếu khảo sát được đăng tải tại Cổng thông tin điện tử tại địa chỉ "www.ddcithaibinh.vn" và đấu nối API hoặc đặt banner tự động hiển thị trên Cổng thông tin điện tử của các sở, ngành, huyện/thành phố, Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh để các doanh nghiệp có thể truy cập và tham gia trả lời khảo sát thông qua thiết bị điện tử có kết nối internet, đảm bảo định danh và xác thực doanh nghiệp thực hiện khảo sát.

- Phần mềm điều tra DDCI được tích hợp các giải pháp truyền thông số để thúc đẩy, mời gọi doanh nghiệp tham gia khảo sát, đánh giá thông qua các phương pháp: SMS brandname (tin nhắn); call AI (cuộc gọi tự động); email marketing (gửi thư điện tử); kết nối API với các Cổng thông tin điện tử của các sở, ngành, huyện/thành phố.



4. Tổng hợp dữ liệu và viết báo cáo phân tích

a) Tổng hợp xếp hạng DDCI

Tổng hợp điểm số của các sở, ban, ngành và huyện/thành phố theo thứ tự điểm số DDCI từ cao đến thấp. Thang điểm DDCI của các sở, ban, ngành và huyện/thành phố được quy đổi về thang điểm 100 để thực hiện xếp hạng từ cao đến thấp; toàn bộ thao tác được triển khai tự động trên phần mềm đánh giá DDCI, giảm thiểu sự tác động cơ học đảm bảo tính chính xác, minh bạch, khách quan trong quá trình đánh giá.

b) Viết báo cáo phân tích

- Báo cáo phân tích tổng hợp dựa trên cơ sở kết quả được phân tích tự động từ hệ thống phần mềm đánh giá DDCI; tự động so sánh kết quả DDCI giữa các đơn vị theo từng năm, từng chỉ số, chỉ tiêu thành phần.

- Báo cáo cũng thể hiện cụ thể các số liệu, bảng biểu, sơ đồ và các phân tích kết quả của từng chỉ số thành phần và chỉ tiêu đánh giá. Để có thể dễ dàng tra cứu, tham khảo nhằm định hướng khắc phục các hạn chế, tiếp tục phát huy các lợi thế, ưu điểm của từng sở, ban, ngành và huyện/thành phố.

- Báo cáo phân tích, đánh giá DDCI tập trung vào những điểm mạnh cần phát huy, những thực tế tốt cần nhân rộng; những điểm yếu, hạn chế cần tập trung nỗ lực để khắc phục, cải thiện.

- Các giải pháp, đề xuất, kiến nghị (nếu có) nhằm nâng cao chất lượng điều hành kinh tế của các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.

c) Công bố kết quả

- Trên cơ sở kết quả khảo sát, đánh giá năm 2023 do đơn vị tư vấn thực hiện; tổ công tác DDCI tiến hành rà soát, thẩm định báo cáo phân tích kết quả đánh giá, xếp hạng DDCI trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, cho ý kiến chỉ đạo.

- Sau khi thẩm định và phê duyệt báo cáo; Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức công bố kết quả chỉ số Đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và huyện, thành phố (DDCI) của tỉnh Thái Bình năm 2023. Qua đó, cũng tiếp nhận các phản hồi từ cộng đồng doanh nghiệp, ý kiến đóng góp và tham vấn các giải pháp thiết thực để tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh Thái Bình trong những năm tiếp theo.

IV. TIẾN ĐỘ, KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Tiến độ thực hiện

- Xây dựng và ban hành Kế hoạch Bộ Chỉ số DDCI tỉnh Thái Bình năm 2023: Trước ngày 15/6/2023.

- Tổ chức truyền thông, tập huấn, triển khai khảo sát Bộ Chỉ số DDCI: Từ ngày 15/6/2023 đến 15/8/2023.

- Nhập số liệu, phân tích, viết báo cáo, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê

duyet: Trước ngày 15/9/2023.

- Tổ chức hội nghị công bố kết quả, xếp hạng Bộ Chỉ số DDCI năm 2023: Trước ngày 30/9/2023.

2. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện đánh giá DDCI năm 2023 được thực hiện bằng nguồn ngân sách tỉnh để thực hiện một số nhiệm vụ sau:

- Tổ chức lựa chọn đơn vị tư vấn, ký kết hợp đồng theo quy định của pháp luật để thực hiện công tác khảo sát, điều tra;

- Biên soạn, xây dựng tài liệu tập huấn cho điều tra viên; tổng hợp báo cáo, phân tích, đánh giá Bộ Chỉ số DDCI năm 2023.

- Thực hiện công tác truyền thông trên các phương tiện thông tin, đại chúng trước, trong quá trình khảo sát, đánh giá Bộ Chỉ số DDCI năm 2023.

- Tổ chức Hội nghị công bố kết quả khảo sát, đánh giá Bộ Chỉ số DDCI năm 2023.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh (đơn vị chủ trì)

- Xây dựng đề cương nhiệm vụ, tổng dự toán kinh phí triển khai thực hiện khảo sát, đánh giá Bộ Chỉ số DDCI năm 2023, trình Sở Tài chính thẩm định, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để làm căn cứ tổ chức thực hiện.

- Căn cứ đề cương, dự toán kinh phí được duyệt, tổ chức lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu; thực hiện lựa chọn đơn vị tư vấn đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm theo quy định của pháp luật để ký kết hợp đồng thực hiện việc khảo sát, đánh giá.

- Chủ trì, phối hợp cùng Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị có liên quan xây dựng, biên soạn tài liệu, tổ chức hội thảo, tập huấn triển khai thực hiện khảo sát, đánh giá Bộ Chỉ số DDCI năm 2023.

- Chủ trì, phối hợp cùng đơn vị tư vấn hoàn thiện Bộ phiếu khảo sát đảm bảo tính khoa học, khách quan; hiệu chỉnh mẫu, form khảo sát trực tuyến, phần mềm nhập liệu, phần mềm quản lý dữ liệu (nếu có); giám sát đơn vị tư vấn triển khai thực hiện.

- Phối hợp cùng Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Báo Thái Bình, Đài Phát thanh và Truyền hình Thái Bình và các đơn vị có liên quan tổ chức tuyên truyền về việc thực hiện khảo sát, đánh giá Bộ Chỉ số DDCI năm 2023 của tỉnh trên các phương tiện phát thanh, truyền hình, Fanpage, mạng xã hội, cổng thông tin điện tử ...để các doanh nghiệp hiểu rõ, quan tâm phối hợp thực hiện.

- Là đầu mối phối hợp, đôn đốc, hướng dẫn, hỗ trợ các cơ quan, đơn vị thực hiện các nhiệm vụ theo Kế hoạch này; tổng hợp các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Kế hoạch để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh,

bổ sung kịp thời để tổ chức thực hiện.

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các sở, ngành liên quan thông qua kết quả, báo cáo kết quả; chuẩn bị các nội dung, điều kiện cần thiết phục vụ cho Hội nghị công bố kết quả khảo sát, đánh giá Bộ Chỉ số DDCI năm 2023 của tỉnh.

- Dự thảo Bài phát biểu của Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh tham dự Hội nghị công bố kết quả khảo sát, đánh giá Bộ Chỉ số DDCI năm 2023 của tỉnh.

- Chỉ đạo đơn vị tư vấn thực hiện khảo sát, đánh giá Bộ Chỉ số DDCI năm 2023:

- + Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng phương án cụ thể để đưa các nội dung khảo sát, tiêu chí đánh giá phù hợp với thực tiễn của tỉnh; xây dựng phương án đánh giá, tiêu chí đánh giá, mẫu phiếu khảo sát, phương án khảo sát, phương án tính điểm từ các nguồn dữ liệu để khảo sát, đánh giá.

- + Thực hiện công tác khảo sát, tổng hợp, phân tích, đánh giá xếp hạng các đơn vị; xây dựng Báo cáo chỉ số DDCI năm 2023 của tỉnh đảm bảo khách quan, chính xác, bảo mật và đúng thời hạn.

- + Chuyển giao kết quả tính điểm và các dữ liệu có liên quan đến công tác khảo sát, đánh giá Bộ Chỉ số DDCI năm 2023 cho Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh để thông qua kết quả, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

- Phối hợp cùng Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh trong việc tổ chức khảo sát, đánh giá, biên tập tài liệu, tổ chức hội thảo, tập huấn, cung cấp danh sách dữ liệu doanh nghiệp, thông qua kết quả, tổ chức Hội nghị công bố kết quả khảo sát, đánh giá Bộ Chỉ số DDCI năm 2023 của tỉnh.

- Chỉ đạo Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Hỗ trợ, Xúc tiến đầu tư và Phát triển tỉnh cung cấp danh sách dữ liệu doanh nghiệp theo đề nghị của Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh.

- Chỉ đạo Trung tâm Hỗ trợ, Xúc tiến đầu tư và Phát triển tỉnh chủ động phối hợp cùng Sở Thông tin và Truyền thông, Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh kịp thời đăng tin bài trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, Trang Zalo đồng hành cùng doanh nghiệp, Fanpage trước, trong và sau quá trình khảo sát, đánh giá Bộ Chỉ số DDCI năm 2023 của tỉnh.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Phối hợp cùng Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh biên tập tài liệu, tổ chức hội thảo, tập huấn trong quá trình triển khai thực hiện.

- Cung cấp danh sách dữ liệu doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh theo thẩm quyền trên cơ sở đề nghị của Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh.

4. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp cùng Sở Thông tin và Truyền thông, Hiệp hội Doanh

nghiệp tỉnh và các đơn vị liên quan thẩm định tổng dự toán kinh phí triển khai thực hiện khảo sát, đánh giá Bộ Chỉ số DDCI năm 2023 của tỉnh, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định.

- Chủ trì tổ chức thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ theo kế hoạch.

5. Sở Thông tin và Truyền thông

- Định hướng cho công tác thông tin, truyền thông về việc triển khai Bộ Chỉ số DDCI năm 2023 của tỉnh đầy đủ, kịp thời, chính xác; phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chỉ đạo Phòng Văn hóa Thông tin, Đài Truyền thanh huyện, thành phố đưa tin kịp thời trước, trong quá trình khảo sát, điều tra, lấy ý kiến của doanh nghiệp về Bộ Chỉ số DDCI năm 2023 của tỉnh.

- Phối hợp với Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh cung cấp dữ liệu thông tin của doanh nghiệp đã thực hiện thủ tục hành chính với các sở, ban, ngành (thuộc diện khảo sát Bộ Chỉ số DDCI năm 2023) tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để lựa chọn mời tham gia khảo sát đánh giá.

- Trên cơ sở tiêu chuẩn, định mức và các quy định hiện hành của pháp luật, tổ chức thẩm định nội dung, dự toán chi phí phục vụ công tác truyền thông, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về việc thực hiện Kế hoạch này, gửi Sở Tài chính để tổng hợp dự toán chung, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định.

- Chỉ đạo các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông tăng cường nhân lực, củng cố hạ tầng mạng lưới, các điều kiện về cơ sở hạ tầng viễn thông, đường truyền đảm bảo ổn định, thông suốt; xây dựng phương án, chuẩn bị các thiết bị, vật tư dự phòng, bố trí nhân viên thường trực kịp thời khắc phục sự cố (nếu có) trong thời gian khảo sát, đánh giá Bộ Chỉ số DDCI năm 2023 của tỉnh.

6. Sở Nội vụ

- Phối hợp với Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh trong quá trình triển khai thực hiện đánh giá tiêu chí cải cách thủ tục hành chính của các sở, ngành, huyện, thành phố trong bộ chỉ số DDCI năm 2023.

- Chủ trì, phối hợp với Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh và các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Tổ công tác DDCI để tổ chức thực hiện giám sát quá trình triển khai thực hiện khảo sát, đánh giá Bộ Chỉ số DDCI năm 2023 của tỉnh tuân thủ theo quy định, đảm bảo khách quan, độc lập, công khai và minh bạch. Thời gian hoàn thành trước ngày 20/6/2023.

- Chỉ đạo Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ:

+ Chủ trì, phối hợp với Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh và đơn vị có liên quan tham mưu đề xuất hình thức thi đua, khen thưởng phù hợp với các đơn vị có thứ

hạng cao (02 đơn vị/nhóm) để khích lệ, động viên kịp thời; hình thức kiểm điểm, phê bình với các đơn vị có thứ hạng thấp; việc biểu dương, khen thưởng được thực hiện cùng với Hội nghị công bố kết quả khảo sát, đánh giá Bộ Chỉ số DDCI năm 2023 của tỉnh.

+ Chủ trì, phối hợp cùng các cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát, sửa đổi, bổ sung kết quả đánh giá Bộ Chỉ số DDCI của tỉnh vào quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh, đảm bảo thiết thực, hiệu quả.

7. Báo Thái Bình, Đài Phát thanh và Truyền hình Thái Bình

- Chủ động phối hợp cùng Sở Thông tin và Truyền thông, Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh xây dựng, biên tập các tin bài, phóng sự, chương trình để phục vụ công tác truyền thông.

- Xây dựng kế hoạch để tăng cường thông tin tuyên truyền kịp thời trước, trong và sau quá trình khảo sát, đánh giá Bộ Chỉ số DDCI năm 2023 của tỉnh, đặc biệt là trong giai đoạn điều tra, khảo sát theo tiến độ triển khai tại Kế hoạch này; đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, quảng bá để thu hút được sự quan tâm của cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

8. Các sở, ngành, đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân huyện/thành phố

- Cục Thuế tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế và các Khu công nghiệp tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm cung cấp danh sách đối tượng khảo sát đang hoạt động trên địa bàn tỉnh do ngành mình phụ trách và đối tượng khảo sát có thực hiện các thủ tục hành chính tại đơn vị mình theo đề nghị của Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh.

- Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh, Hội Doanh nhân trẻ tỉnh, Hội Doanh nhân nữ tỉnh, Hội Doanh nghiệp các huyện, thành phố tổ chức tuyên truyền sâu rộng Kế hoạch này đến các hội viên, thành viên để các doanh nghiệp hiểu rõ, quan tâm chủ động phối hợp thực hiện.

- Các sở, ban, ngành của tỉnh; cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các hội, hiệp hội:

+ Thủ trưởng các sở, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh và đơn vị tư vấn tổ chức các hội nghị tập huấn, các buổi hội thảo, truyền thông trong quá trình triển khai thực hiện khảo sát, đánh giá Bộ Chỉ số DDCI năm 2023. Chủ động tham gia đóng góp ý kiến hoàn thiện Bộ Chỉ số DDCI của tỉnh.

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phải trực tiếp cùng với đồng chí Bí thư huyện/thành ủy tham dự, chỉ đạo, quán triệt tại các buổi hội nghị tập huấn, truyền thông tại địa phương, đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

+ Phân công cán bộ làm đầu mối của đơn vị phối hợp với Hiệp hội Doanh

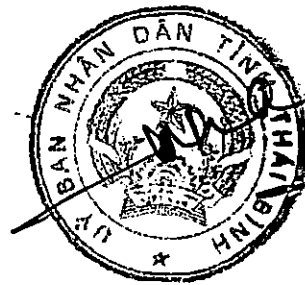
nghiệp tỉnh, đơn vị tư vấn khảo sát triển khai Bộ Chỉ số DDCI, cung cấp dữ liệu doanh nghiệp theo yêu cầu.

Trên đây là Kế hoạch triển khai đo lường Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành, huyện, thành phố (DDCI) tỉnh Thái Bình trên nền tảng công nghệ năm 2023. Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố nghiêm túc triển khai thực hiện đảm bảo tiến độ, hiệu quả. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị kịp thời phản ánh về Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh (cơ quan chủ trì) để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./. *Ch*

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- Các cơ quan TW trên địa bàn tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh;
- Hội Doanh nhân trẻ tỉnh;
- Hội Doanh nhân nữ tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Trung tâm HT, XTĐT&PT tỉnh;
- Báo TB, Đài PTTH TB;
- Lưu: VT, TH, CTXDGT (Đ.T.A) *Ch*

CHỦ TỊCH



Nguyễn Khắc Thận





Phụ lục 1

Danh sách các sở, ngành, huyện/thành phố là đối tượng được khảo sát, đánh giá Bộ Chỉ số DDCI năm 2023

(Kèm theo Kế hoạch số 7/KH-UBND ngày 18/16/2023 của UBND tỉnh)

I. NHÓM 1 (Khôi các sở, ban, ngành)

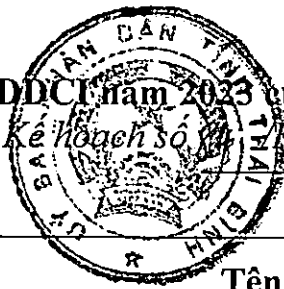
- 1.1 Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- 1.2 Sở Nội vụ;
- 1.3 Sở Tài chính;
- 1.4 Sở Công Thương;
- 1.5 Sở Giao thông Vận tải;
- 1.6 Sở Khoa học và Công nghệ;
- 1.7 Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;
- 1.8 Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- 1.9 Sở Tài nguyên và Môi trường;
- 1.10 Sở Thông tin và Truyền thông;
- 1.11 Sở Tư pháp;
- 1.12 Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- 1.13 Sở Giáo dục và Đào tạo;
- 1.14 Sở Xây dựng;
- 1.15 Sở Y tế;
- 1.16 Ban Quản lý Khu kinh tế và các Khu công nghiệp tỉnh;
- 1.17 Công an tỉnh;
- 1.18 Kho bạc Nhà nước Thái Bình;
- 1.19 Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh;
- 1.20 Bảo hiểm xã hội tỉnh;
- 1.21 Cục Thuế tỉnh;
- 1.22 Chi cục Hải quan Thái Bình;
- 1.23 Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- 1.24 Cục Quản lý thị trường tỉnh;
- 1.25 Thanh tra tỉnh.

II. NHÓM 2 (Khôi huyện, thành phố)

- 2.1 Thành phố Thái Bình;
- 2.2 Huyện Đông Hưng;
- 2.3 Huyện Hưng Hà;
- 2.4 Huyện Kiến Xương;
- 2.5 Huyện Quỳnh Phụ;
- 2.6 Huyện Vũ Thư;
- 2.7 Huyện Tiền Hải;
- 2.8 Huyện Thái Thụy.



anh



Phụ lục 2A

Bộ Chỉ số DDCT năm 2023 của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố
(Kèm theo Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 18/6/2023 của UBND tỉnh)

TT	Tên chỉ tiêu	Trọng số
I	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	15%
1.1	Mức độ dễ dàng tiếp cận thông tin	
1.2	Mức độ tiếp cận các thông tin không được công bố công khai	
1.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá "có mối quan hệ" sẽ giúp các doanh nghiệp thuận lợi hơn trong tiếp cận các thông tin, tài liệu quan trọng của địa phương	
1.4	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá bộ phận "Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả" của UBND huyện/thành phố cho phép tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tuyến	
1.5	Tỷ lệ doanh nghiệp thỉnh thoảng hoặc thường xuyên truy cập Cổng thông tin điện tử	
1.6	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá thủ tục hành chính được niêm yết công khai	
1.7	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá phí và lệ phí được niêm yết công khai	
1.8	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá các thông tin về quy hoạch, kế hoạch, ngân sách được niêm yết công khai	
1.9	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá các dự án, hạng mục đầu tư, mua sắm công được công khai trên cổng thông tin điện tử	
1.10	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá cổng thông tin điện tử của đơn vị được đánh giá công khai kết quả tham vấn, trả lời thắc mắc/ý kiến của doanh nghiệp	
1.11	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá chính quyền công khai, minh bạch lấy ý kiến về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương	
II	Tiếp cận đất đai và mặt bằng kinh doanh	5%
2.1	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá gặp khó khăn trong việc tiếp cận đất đai hoặc mặt bằng kinh doanh	
2.2	Tỷ lệ doanh nghiệp có mặt bằng kinh doanh đáp ứng được trưng cầu đầy đủ nhu cầu	
2.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá chất lượng cơ sở hạ tầng có cải thiện	
2.4	Mức độ doanh nghiệp đánh giá tích cực tiến độ và chất lượng quy hoạch mặt bằng đất đai tại địa phương	

TT	Tên chỉ tiêu	Trọng số
2.5	Mức độ doanh nghiệp đánh giá tích cực về nỗ lực hỗ trợ của chính quyền huyện/thành phố trong công tác giải phóng mặt bằng	
III	Chi phí không chính thức	15%
3.1	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá hiện tượng nhũng nhiễu vẫn còn phổ biến tại cơ quan chính quyền địa phương	
3.2	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá "mối quan hệ với cán bộ cơ quan nhà nước" giúp các doanh nghiệp thuận lợi hơn trong giải quyết thủ tục hành chính	
3.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá cán bộ gây khó khăn để trục lợi	
3.4	Tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng chi phí không chính thức là đương nhiên tại đơn vị được đánh giá	
3.5	Tỷ lệ doanh nghiệp phải trả chi phí phi chính thức đáng kể so với doanh thu	
IV	Chi phí thời gian	10%
4.1	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá quy trình và thủ tục thực hiện thủ tục hành chính đơn giản	
4.2	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá cán bộ "tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả" (hoặc các bộ phận có giao dịch cùng doanh nghiệp) ứng xử chuyên nghiệp, đúng mực	
4.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá thời gian giải quyết thủ tục hành chính theo đúng hoặc nhanh hơn quy định của pháp luật hiện hành	
4.4	Mức độ doanh nghiệp đánh giá số lần hồ sơ bị trả lại nhiều nhất	
4.5	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá còn hiện tượng cán bộ đi muộn, về sớm	
4.6	Tỷ lệ doanh nghiệp còn phải sử dụng dịch vụ của bên thứ ba hoặc người quen để làm thủ tục hành chính	
4.7	Số lần thanh tra, kiểm tra riêng của chính quyền huyện/thành phố trong 1 năm	
4.8	Số thời gian trung vị làm việc với thanh tra, kiểm tra riêng của chính quyền huyện/thành phố	
4.9	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá hoạt động thanh tra, kiểm tra riêng của chính quyền huyện/thành phố gây cản trở đáng kể đến quá trình sản xuất kinh doanh	
V	Cạnh tranh bình đẳng	10%

TT	Tên chỉ tiêu	Trọng số
5.1	Mức độ hiện diện của doanh nghiệp sản xuất và doanh nghiệp thân hữu của huyện/thành phố	
5.2	Tỷ lệ doanh nghiệp có sự nhận định ưu ái cho doanh nghiệp sản xuất và doanh nghiệp thân hữu trong việc tiếp cận các nguồn lực nhà nước (bao gồm đất đai, hợp đồng từ CQNN, chính sách ưu đãi, hỗ trợ của nhà nước)	
5.3	Tỷ lệ doanh nghiệp nhận định có sự ưu ái cho các doanh nghiệp sản xuất và doanh nghiệp thân hữu trong việc tiếp cận thông tin (quy hoạch, các dự án đầu tư công...)	
5.4	Tỷ lệ doanh nghiệp nhận định có sự ưu ái cho các doanh nghiệp thân hữu và doanh nghiệp sản xuất về giải quyết thủ tục hành chính	
5.5	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá sự ưu ái cho các doanh nghiệp thân hữu và doanh nghiệp sản xuất gây khó khăn cho doanh nghiệp	
5.6	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá huyện/thành phố có nhiều chính sách hiệu quả thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp nhỏ và vừa	
5.7	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá sự quan tâm của chính quyền huyện/thành phố không phụ thuộc nhiều vào quy mô đóng góp của doanh nghiệp cho huyện/thành phố	
5.8	Tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng hoạt động đối thoại doanh nghiệp chủ yếu tập hợp doanh nghiệp lớn	
VI	Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp	10%
6.1	Tỷ lệ doanh nghiệp được mời tham gia các chương trình hỗ trợ của huyện/thành phố	
6.2	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá chương trình hỗ trợ doanh nghiệp của huyện/thành phố là thực chất	
6.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp của huyện/thành phố đã có cải thiện nhiều	
6.4	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá cán bộ hỗ trợ hồ sơ vướng mắc, giải quyết thủ tục hành chính cho doanh nghiệp nhanh chóng, nhiệt tình	
6.5	Tỷ lệ doanh nghiệp được mời tham gia các chương trình đối thoại doanh nghiệp của huyện/thành phố	
6.6	Chất lượng của hoạt động đối thoại của huyện/thành phố	
6.7	Tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng việc phản ánh khó khăn, vướng mắc với chính quyền huyện/thành	

TT	Tên chỉ tiêu	Trọng số
	phổ là không có kết quả	
6.8	Mức độ hài lòng của doanh nghiệp đối với sự phản hồi của chính quyền huyện/thành phố khi phản ánh vướng mắc	
VII	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	5%
7.1	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá hiện tượng lấn chiếm đất đai, xây dựng trái phép, vi phạm quy định về bảo vệ môi trường còn phổ biến trên địa bàn	
7.2	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá chính quyền huyện/thành phố kiên quyết xử lý các vụ lấn chiếm đất đai, xây dựng trái phép, vi phạm quy định về bảo vệ môi trường	
7.3	Tỷ lệ doanh nghiệp phản ánh hiện tượng trộm cắp, đột nhập trái phép còn phổ biến tại huyện/thành phố	
7.4	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá chính quyền huyện/thành phố giải quyết có hiệu quả các vụ mất cắp, thiệt hại tài sản trên địa bàn	
7.5	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá chính quyền huyện/thành phố tạo cảm giác an toàn cho người lao động của doanh nghiệp	
7.6	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá phải bỏ nhiều chi phí để thuê các dịch vụ bảo vệ, an ninh trật tự	
7.7	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá phải trả các chi phí bảo kê	
7.8	Tỷ lệ doanh nghiệp phản ánh hiện tượng bảo kê còn phổ biến trên địa bàn	
7.9	Mức độ đánh giá tích cực của doanh nghiệp nếu bắt gặp cán bộ, nhân viên thuộc cơ quan hành chính địa phương làm trái với các quy định của pháp luật	
VIII	Tính năng động, sáng tạo của chính quyền	10%
8.1	Tỷ lệ doanh nghiệp hài lòng về khả năng nắm bắt và xử lý kịp thời những bất cập, vướng mắc của doanh nghiệp trong phạm vi, quyền hạn của huyện/thành phố	
8.2	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá huyện/thành phố chủ động tham mưu và kiến nghị UBND tỉnh các đề xuất hoặc giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp	
8.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá huyện/thành phố sáng tạo, mạnh dạn triển khai chủ trương, quyết định của UBND tỉnh	

TT	Tên chỉ tiêu	Trọng số
8.4	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá huyện/thành phố đã triển khai thành công ít nhất một giải pháp hỗ trợ cho doanh nghiệp	
8.5	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá huyện/thành phố thực hiện có hiệu quả các chủ trương/quyết định của UBND tỉnh	
IX	Vai trò người đứng đầu	20%
9.1	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá người đứng đầu UBND huyện/thành phố chỉ đạo thực hiện quyết liệt việc tuân thủ kỷ luật, kỷ cương hành chính khi thi hành công vụ	
9.2	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá người đứng đầu UBND huyện/thành phố lắng nghe và tiếp thu các ý kiến góp ý của doanh nghiệp	
9.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá người đứng đầu UBND huyện/thành phố giải quyết công bằng các khiếu nại của doanh nghiệp	
9.4	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá người đứng đầu UBND huyện/thành phố quan tâm đến việc cải thiện văn hóa ứng xử của công chức và hệ thống chính quyền	
9.5	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá người đứng đầu UBND huyện/thành phố đề cao và phát huy vai trò của công nghệ	
9.6	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá người đứng đầu UBND huyện/thành phố nghiêm minh với cán bộ cấp dưới	
9.7	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá người đứng đầu UBND huyện/thành phố trực tiếp tham gia đối thoại và thực hiện cam kết với doanh nghiệp	
9.8	Mức độ ủng hộ của doanh nghiệp với người đứng đầu UBND huyện/thành phố	
X	Chuyển đổi số (thống kê)	0%
10.1	Tỷ lệ doanh nghiệp có quan tâm đến ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong doanh nghiệp mình	
10.2	Thống kê các phần mềm doanh nghiệp đang sử dụng	
10.3	Tỷ lệ doanh nghiệp có sử dụng các công nghệ nền tảng mới để phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh	
10.4	Tỷ lệ doanh nghiệp đã tham gia hoạt động thương mại, điện tử	
10.5	Tỷ lệ doanh nghiệp có sử dụng chữ ký điện tử, chữ	

ah

TT	Tên, chỉ tiêu	Trọng số
	ký số trong giao dịch	
10.6	Tỷ lệ doanh nghiệp đã đầu tư cho ứng dụng CNTT, an toàn thông tin	
10.7	Số tiền đầu tư, đào tạo nhân lực về CNTT năm 2023	
10.8	Thông kê khó khăn của doanh nghiệp khi thực hiện chuyển đổi số	
10.9	Mong muốn của doanh nghiệp thực hiện tốt chuyển đổi số, thì cơ quan Nhà nước hỗ trợ những nội dung nào	

a





Phụ lục 2B

Bộ Chỉ số DDG năm 2023 của sở, ban, ngành

(Kèm theo Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 18/6/2023 của UBND tỉnh)

TT	Tên chỉ tiêu	Trọng số
I	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	15%
1.1	Mức độ tiếp cận các thông tin không được công bố công khai	
1.2	Tỷ lệ doanh nghiệp thường xuyên truy cập Cổng thông tin điện tử	
1.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá "có mối quan hệ" sẽ giúp các doanh nghiệp thuận lợi hơn trong tiếp cận các thông tin, tài liệu quan trọng của sở, ban, ngành	
1.4	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh cho phép tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tuyến	
1.5	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá thủ tục hành chính được niêm yết công khai	
1.6	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá phí và lệ phí được niêm yết công khai	
1.7	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá website có chuyên mục giải đáp các thắc mắc/ý kiến của doanh nghiệp rất hữu ích	
1.8	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá các thông tin về quy hoạch, số liệu thống kê được cập nhật thường xuyên, đầy đủ	
II	Chi phí không chính thức	15%
2.1	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá hiện tượng nhũng nhiễu vẫn còn phổ biến tại sở, ban, ngành	
2.2	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá "mối quan hệ với cán bộ cơ quan nhà nước" giúp các doanh nghiệp thuận lợi hơn trong giải quyết thủ tục hành chính	
2.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá cán bộ gây khó khăn để trực lợi	
2.4	Tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng chi phí không chính thức là đương nhiên tại đơn vị được đánh giá	
2.5	Tỷ lệ doanh nghiệp phải trả chi phí không chính thức đáng kể so với doanh thu	
III	Chi phí thời gian	10%
3.1	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá quy trình và thủ tục thực hiện thủ tục hành chính đơn giản	
3.2	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá cán bộ "tiếp nhận hồ	

@b

TT	Tên chỉ tiêu	Trọng số
	sơ và trả kết quả" (hoặc các bộ phận có giao dịch cùng doanh nghiệp) ứng xử chuyên nghiệp	
3.3	Mức độ doanh nghiệp đánh giá số lần hồ sơ bị trả lại nhiều nhất	
3.4	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá còn hiện tượng cán bộ đi muộn, về sớm	
3.5	Tỷ lệ doanh nghiệp gặp trường hợp đùn đẩy trách nhiệm công việc giữa các sở, ban, ngành	
3.6	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá thời gian giải quyết thủ tục hành chính theo đúng hoặc nhanh hơn quy định của pháp luật hiện hành	
3.7	Tỷ lệ doanh nghiệp còn phải sử dụng dịch vụ của bên thứ 3 hoặc người quen để làm thủ tục hành chính	
3.8	Mức độ thanh tra, kiểm tra riêng trong 1 năm	
3.9	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá hoạt động thanh tra, kiểm tra gây cản trở đáng kể đến quá trình sản xuất, kinh doanh	
IV	Cạnh tranh bình đẳng	10%
4.1	Mức độ hiện diện của doanh nghiệp sản sau và doanh nghiệp thân hữu của sở, ban, ngành	
4.2	Tỷ lệ doanh nghiệp có sự nhận định ưu ái cho doanh nghiệp sản sau và doanh nghiệp thân hữu trong việc tiếp cận các nguồn lực nhà nước (bao gồm đất đai, hợp đồng từ CQNN, chính sách ưu đãi, hỗ trợ của nhà nước)	
4.3	Tỷ lệ doanh nghiệp nhận định có sự ưu ái cho các doanh nghiệp sản sau và doanh nghiệp thân hữu trong việc tiếp cận thông tin (quy hoạch, các dự án đầu tư công...)	
4.4	Tỷ lệ doanh nghiệp nhận định có sự ưu ái cho các doanh nghiệp thân hữu và doanh nghiệp sản sau giải quyết thủ tục hành chính	
4.5	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá sự ưu ái cho các doanh nghiệp thân hữu và doanh nghiệp sản sau gây khó khăn cho doanh nghiệp	
4.6	Tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng sự quan tâm của sở, ban, ngành dành cho doanh nghiệp không phụ thuộc vào quy mô đóng góp của doanh nghiệp	
V	Hỗ trợ doanh nghiệp	15%
5.1	Tỷ lệ doanh nghiệp được mời tham gia các chương trình hỗ trợ của sở, ban, ngành	

TT	Tên chỉ tiêu	Trọng số
5.2	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá chương trình hỗ trợ doanh nghiệp của sở, ban, ngành là thực chất	
5.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp của sở, ban, ngành đã có cải thiện nhiều	
5.4	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá cán bộ của sở, ban, ngành hỗ trợ hồ sơ vướng mắc, giải quyết thủ tục hành chính cho doanh nghiệp nhanh chóng, nhiệt tình	
5.5	Tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng việc phản ánh khó khăn, vướng mắc với sở, ban, ngành là không có kết quả	
5.6	Mức độ hài lòng của doanh nghiệp đối với sự phản hồi của sở, ban, ngành khi phản ánh vướng mắc	
VI	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	5%
6.1	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá sở, ban, ngành công khai văn bản quy phạm pháp luật	
6.2	Mức độ đa dạng các hình thức công khai văn bản quy phạm pháp luật	
6.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá sở, ban, ngành thực thi văn bản quy phạm pháp luật nhất quán giữa các nhóm đối tượng	
6.4	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá sở, ban, ngành thực thi văn bản quy phạm pháp luật nghiêm minh, theo đúng quy trình, quy định	
6.5	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá sở, ban, ngành tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp để thực hiện đúng các quy định của văn bản quy phạm pháp luật	
6.6	Mức độ đánh giá doanh nghiệp trong trường hợp có gặp cán bộ, nhân viên thuộc cơ quan, sở, ban, ngành làm trái quy định của pháp luật	
VII	Tính năng động, sáng tạo, hiệu quả của sở, ban, ngành	10%
7.1	Tỷ lệ doanh nghiệp hài lòng về khả năng nắm bắt và xử lý kịp thời những bất cập, vướng mắc của doanh nghiệp trong phạm vi, quyền hạn của sở, ban, ngành	
7.2	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá sở, ban, ngành chủ động tham mưu và kiến nghị UBND tỉnh các đề xuất hoặc giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp	
7.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá sở, ban, ngành sáng tạo, mạnh dạn triển khai chủ trương, quyết định của UBND tỉnh	

TT	Tên chỉ tiêu	Trọng số
7.4	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá sở, ban, ngành đã triển khai thành công ít nhất một giải pháp hỗ trợ cho doanh nghiệp	
7.5	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá sở, ban, ngành thực hiện có kết quả, tích cực vào cuộc thực hiện chỉ đạo, chủ trương/quyết định của UBND tỉnh	
VIII	Vai trò của người đứng đầu	20%
8.1	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá người đứng đầu sở, ban, ngành chỉ đạo thực hiện quyết liệt việc tuân thủ kỷ luật, nền nếp thủ tục hành chính tại đơn vị	
8.2	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá người đứng đầu sở, ban, ngành lắng nghe và tiếp thu các ý kiến góp ý của doanh nghiệp	
8.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá người đứng đầu sở, ban, ngành giải quyết công bằng các khiếu nại của doanh nghiệp	
8.4	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá người đứng đầu sở, ban, ngành quan tâm đến việc cải thiện văn hóa ứng xử của công chức và hệ thống chính quyền	
8.5	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá người đứng đầu sở, ban, ngành đề cao và phát huy vai trò của công nghệ	
8.6	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá người đứng đầu sở, ban, ngành nghiêm minh với cán bộ cấp dưới	
8.7	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá người đứng đầu sở, ban, ngành trực tiếp tham gia đối thoại và thực hiện cam kết với doanh nghiệp	
8.8	Mức độ ủng hộ của doanh nghiệp với người đứng đầu sở, ban, ngành	
IX	Chuyển đổi số (thống kê)	0%
9.1	Tỷ lệ doanh nghiệp có quan tâm đến ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong doanh nghiệp mình	
9.2	Thống kê các phần mềm doanh nghiệp đang sử dụng	
9.3	Tỷ lệ doanh nghiệp có sử dụng các công nghệ nền tảng mới để phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh	
9.4	Tỷ lệ doanh nghiệp đã tham gia hoạt động thương mại, điện tử	
9.5	Tỷ lệ doanh nghiệp có sử dụng chữ ký điện tử, chữ ký số trong giao dịch	
9.6	Tỷ lệ doanh nghiệp đã đầu tư cho ứng dụng CNTT, an toàn thông tin	

TT	Tên chỉ tiêu	Trọng số
9.7	Số tiền đầu tư, đào tạo nhân lực về CNTT năm 2023	
9.8	Thống kê khó khăn của doanh nghiệp khi thực hiện chuyển đổi số	
9.9	Mong muốn của doanh nghiệp thực hiện tốt chuyển đổi số, thì cơ quan Nhà nước hỗ trợ những nội dung nào	

26

JYH